



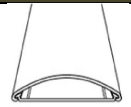
ỐNG LUỒN CÁP PVC-LINK BẢNG GIÁ DÀNH CHO CÁC ĐẠI LÝ

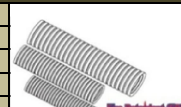
- **Chất lượng:** được sản xuất từ chất liệu nhựa nhiệt dẻo ABS (thermoplastic) giúp chịu lực tốt với độ đàn hồi cao
- **Đạt tiêu chuẩn quốc tế:**
 - + Ống luồn tròn: BS EN 61836-2-1:2004, IEC 61386-2-1:2002, Heavy Duty 4421, Medium Duty 332112
 - + Ống luồn ruột gà: BS EN 61836-2-1:2004, MS 1534: PT.2:SEC.1:2002 và IEC 61386-2-1:2002
- **Màu sắc:** trắng

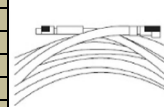
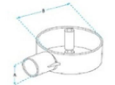

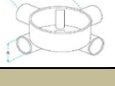

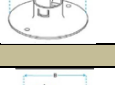




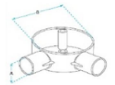
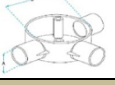
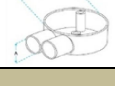
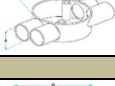
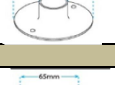

| Mã SP | Thông số | Xuất xứ | Đơn giá list chưa VAT | Ghi chú |
|--------------------------------------------|-------------------|----------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| ỐNG LUỒN MEDIUM DUTY - DÀI 2.9m/cây | | | | |
| 656512 | Medium Duty - Ø16 | Malaysia | 23,904 đ |  |
| 656513 | Medium Duty - Ø20 | Malaysia | 33,812 đ | |
| 656514 | Medium Duty - Ø25 | Malaysia | 48,111 đ | |
| 656515 | Medium Duty - Ø32 | Malaysia | 101,471 đ | |
| 656516 | Medium Duty - Ø40 | Malaysia | 140,306 đ | |
| 656517 | Medium Duty - Ø50 | Malaysia | 187,098 đ | |








| Mã SP | Thông số | Xuất xứ | Đơn giá list chưa VAT | Ghi chú |
|-------------------------------------------|------------------|----------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| ỐNG LUỒN HEAVY DUTY - DÀI 2.9m/cây | | | | |
| 656500 | Heavy Duty - Ø16 | Malaysia | 30,665 đ |  |
| 656501 | Heavy Duty - Ø20 | Malaysia | 40,596 đ | |
| 656502 | Heavy Duty - Ø25 | Malaysia | 59,905 đ | |
| 656503 | Heavy Duty - Ø32 | Malaysia | 118,253 đ | |
| 656504 | Heavy Duty - Ø40 | Malaysia | 151,589 đ | |
| 656505 | Heavy Duty - Ø50 | Malaysia | 179,302 đ | |









| Mã SP | Thông số | Xuất xứ | Đơn giá list chưa VAT | Ghi chú |
|----------------------------------------|----------|----------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
| NẾP SÀN NÁP CONG - DÀI 2M - XÀM | | | | |
| 656706 | R30xC8 | Malaysia | 61,924 đ |  |
| 656707 | R50xC13 | Malaysia | 119,435 đ | |
| 656708 | R70xC15 | Malaysia | 199,050 đ | |
| 656709 | R90xC22 | Malaysia | 302,270 đ | |
| 656710 | R120xC30 | Malaysia | 457,023 đ | |

| Mã SP | Thông số | Xuất xứ | Đơn giá list chưa VAT | Ghi chú |
|-------------------------|--------------|----------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| ỐNG LUỒN RUỘT GÀ | | | | |
| PCC 16 W | Ø16-50m/cuộn | Malaysia | 261,873 đ |  |
| PCC 20 W | Ø20-50m/cuộn | Malaysia | 295,808 đ | |
| PCC 25 W | Ø25-50m/cuộn | Malaysia | 342,693 đ | |
| PCC 32 W | Ø32-25m/cuộn | Malaysia | 553,597 đ | |
| PCC 40 W | Ø40-25m/cuộn | Malaysia | 955,306 đ | |
| PCC 50 W | Ø50-25m/cuộn | Malaysia | 1,153,787 đ | |

| Mã SP | Thông số | Xuất xứ | Đơn giá list chưa VAT | Ghi chú |
|-----------------------------------|-------------------|----------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| PHỤ KIỆN CHO ỐNG LUỒN TRÒN | | | | |
| Dây nối | | | | |
| 656524 | Ø4.5-dài 15m | Malaysia | 273,608 đ |  |
| 656525 | Ø4.5-dài 30m | Malaysia | 406,005 đ | |
| 656526 | Ø4.5-dài 50m | Malaysia | 578,093 đ | |
| | | | | |
| Hộp nối 1 đường | | | | |
| 656534 | ống Ø16 - hộp Ø65 | Malaysia | 8,161 đ |  |
| 656535 | ống Ø20 - hộp Ø65 | Malaysia | 8,521 đ | |
| 656536 | ống Ø25 - hộp Ø65 | Malaysia | 9,066 đ | |
| 656537 | ống Ø32 - hộp Ø75 | Malaysia | 15,968 đ | |
| Hộp nối 2 đường | | | | |
| 656542 | ống Ø16 - hộp Ø65 | Malaysia | 8,161 đ |  |
| 656543 | ống Ø20 - hộp Ø65 | Malaysia | 8,521 đ | |
| 656544 | ống Ø25 - hộp Ø65 | Malaysia | 9,066 đ | |
| 656545 | ống Ø32 - hộp Ø75 | Malaysia | 15,968 đ | |
| Hộp nối 4 đường | | | | |
| 656566 | ống Ø16 - hộp Ø65 | Malaysia | 8,161 đ |  |
| 656567 | ống Ø20 - hộp Ø65 | Malaysia | 8,521 đ | |
| 656568 | ống Ø25 - hộp Ø65 | Malaysia | 9,066 đ | |
| 656569 | ống Ø32 - hộp Ø75 | Malaysia | 15,831 đ | |
| Hộp nối 3 đường chữ Y | | | | |
| 656576 | ống Ø20 - hộp Ø65 | Malaysia | 26,547 đ |  |
| | | | | |
| Nắp che hình vòm dạng kẹp | | | | |
| 656580 | ống Ø20 - hộp Ø65 | Malaysia | 4,848 đ |  |
| 656581 | ống Ø25 - hộp Ø65 | Malaysia | 10,586 đ | |
| Hộp nối tròn đáy sâu | | | | |
| 656586 | ống Ø20 - hộp Ø65 | Malaysia | 15,646 đ |  |

| Mã SP | Thông số | Xuất xứ | Đơn giá list chưa VAT | Ghi chú |
|---------------------------------------------------------------|--------------------|----------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| Lò xo bẻ góc: sử dụng để tạo độ cong cho ống luồn tròn | | | | |
| 656528 | Ø16-tròn | Malaysia | 68,543 đ |  |
| 656529 | Ø20-tròn | Malaysia | 77,998 đ | |
| 656530 | Ø25-tròn | Malaysia | 102,814 đ | |
| 656531 | Ø20-vuông | Malaysia | 182,700 đ | |
| 656532 | Ø25-vuông | Malaysia | 190,313 đ | |
| 656533 | Ø32-vuông | Malaysia | 327,338 đ | |
| Hộp nối 2 đường vuông góc | | | | |
| 656550 | ống Ø16 - hộp Ø65 | Malaysia | 8,161 đ |  |
| 656551 | ống Ø20 - hộp Ø65 | Malaysia | 8,521 đ | |
| 656552 | ống Ø25 - hộp Ø65 | Malaysia | 9,066 đ | |
| 656553 | ống Ø32 - hộp Ø75 | Malaysia | 15,968 đ | |
| Hộp nối 3 đường | | | | |
| 656558 | ống Ø16 - hộp Ø65 | Malaysia | 8,161 đ |  |
| 656559 | ống Ø20 - hộp Ø65 | Malaysia | 8,521 đ | |
| 656560 | ống Ø25 - hộp Ø65 | Malaysia | 9,066 đ | |
| 656561 | ống Ø32 - hộp Ø75 | Malaysia | 15,968 đ | |
| Hộp nối 2 đường chữ U | | | | |
| 656574 | ống Ø20 - hộp Ø65 | Malaysia | 26,547 đ |  |
| | | | | |
| Hộp nối 4 đường chữ H | | | | |
| 656578 | ống Ø20 - hộp Ø65 | Malaysia | 26,547 đ |  |
| | | | | |
| Nắp che hình vòm | | | | |
| 656584 | ống Ø20 - hộp Ø65 | Malaysia | 6,825 đ |  |
| | | | | |
| Vòng tăng đường kính | | | | |
| 656594 | hộp Ø65 - cao 25mm | Malaysia | 10,946 đ |  |

| Mã SP | Thông số | Xuất xứ | Đơn giá list chưa VAT | Ghi chú |
|----------------------------------|----------|----------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| | | | |  |
| Nắp che dạng bát vít | | | | |
| 656588 | Ø65 | Malaysia | 2,076 đ |  |
| | | | | |
| Cơ nối chữ T | | | | |
| 656600 | Ø20 | Malaysia | 9,648 đ |  |
| 656601 | Ø25 | Malaysia | 12,312 đ | |
| Cơ nối cong | | | | |
| 656608 | Ø20 | Malaysia | 17,150 đ |  |
| 656609 | Ø25 | Malaysia | 22,410 đ | |
| Đầu nối female | | | | |
| 656644 | Ø16 | Malaysia | 2,716 đ |  |
| 656645 | Ø20 | Malaysia | 3,660 đ | |
| 656646 | Ø25 | Malaysia | 4,153 đ | |
| 656647 | Ø32 | Malaysia | 8,065 đ | |
| Kẹp đỡ ống chữ C | | | | |
| 656628 | Ø16 | Malaysia | 1,740 đ |  |
| 656629 | Ø20 | Malaysia | 2,188 đ | |
| 656630 | Ø25 | Malaysia | 3,134 đ | |
| 656631 | Ø32 | Malaysia | 5,742 đ | |
| Đầu nối cho ống dạng răng | | | | |
| 656671 | Ø16 | Malaysia | 7,347 đ |  |
| 656672 | Ø20 | Malaysia | 8,477 đ | |
| 656673 | Ø25 | Malaysia | 9,347 đ | |
| 656674 | Ø32 | Malaysia | 47,666 đ | |
| 656675 | Ø40 | Malaysia | 71,248 đ | |
| 656676 | Ø50 | Malaysia | 82,051 đ | |

| Mã SP | Thông số | Xuất xứ | Đơn giá list chưa VAT | Ghi chú |
|-------------------------------------|--------------------|----------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 656595 | hộp Ø65 - cao 38mm | Malaysia | 21,111 đ |  |
| 656596 | hộp Ø65 - cao 50mm | Malaysia | 25,020 đ | |
| Nắp che bảo vệ dạng khớp cài | | | | |
| 656590 | Ø65 | Malaysia | 4,938 đ |  |
| 656591 | Ø75 | Malaysia | 13,172 đ | |
| Cơ nối chữ L | | | | |
| 656604 | Ø20 | Malaysia | 6,714 đ |  |
| 656605 | Ø25 | Malaysia | 10,374 đ | |
| Khớp nối trơn | | | | |
| 656612 | Ø16 | Malaysia | 1,366 đ |  |
| 656613 | Ø20 | Malaysia | 1,371 đ | |
| 656614 | Ø25 | Malaysia | 2,438 đ | |
| 656615 | Ø32 | Malaysia | 4,587 đ | |
| 656616 | Ø40 | Malaysia | 13,368 đ | |
| 656617 | Ø50 | Malaysia | 22,149 đ | |
| Mã mới | | | | |
| LEC 16 W | Ø16 | Malaysia | 1,370 đ |  |
| LEC 20 W | Ø20 | Malaysia | 1,435 đ | |
| LEC 25 W | Ø25 | Malaysia | 2,370 đ | |
| LEC 32 W | Ø32 | Malaysia | 4,587 đ | |
| LEC 40 W | Ø40 | Malaysia | 13,381 đ | |
| LEC 50 W | Ø50 | Malaysia | 22,149 đ | |
| Khớp nối giảm | | | | |
| 656624 | A=25, B=20 | Malaysia | 3,792 đ |  |
| 656625 | A=32, B=25 | Malaysia | 4,511 đ | |
| Kẹp đỡ ống | | | | |
| 656636 | Ø20 | Malaysia | 4,672 đ |  |
| 656637 | Ø25 | Malaysia | 6,066 đ | |
| 656638 | Ø32 | Malaysia | 11,114 đ | |
| 656639 | Ø40 | Malaysia | 25,857 đ | |
| Đầu nối cho ống | | | | |
| 656683 | Ø20 | Malaysia | 5,181 đ |  |
| 656684 | Ø25 | Malaysia | 6,183 đ | |

Điều khoản thương mại:

Giá thành: * Giá có thể thay đổi không thông báo trước

* Giảm giá đặc biệt cho lô hàng số lượng nhiều

Giao nhận: * Giao hàng miễn phí trong nội thành thành phố Hồ Chí Minh & Hà Nội với giá trị tối thiểu 10.000.000 đồng/lần giao

* Hàng sẵn có: giao trong vòng 1 ngày

* Hàng cần đặt: giao trong vòng 3 - 4 tuần

* Dự án hoặc đơn hàng số lượng nhiều, vui lòng đặt hàng trước 4-6 tuần

Thanh toán: * 100% tại thời điểm giao hàng

Hiệu lực: **1 tháng** kể từ ngày báo giá

Bảo hành: * Bảo hành **2 năm** kể từ ngày ký biên bản bàn giao.